

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/DS-ST

Ngày: 22/8/2023

V/v: “Tranh chấp liên quan đến tài sản
bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của
pháp luật về thi hành án dân sự”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/8/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2022/TLST – DS ngày 16/11/2022 về “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST–DS ngày 20/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 912/2023/QĐST-DS ngày 07/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị Hải V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số B, Tổ C, khu C, thị trấn L, huyện L, Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Thái Thị Thanh H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số nhà B, khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Bá K, sinh năm 1959.

+ Anh Nguyễn Mạnh K1, sinh năm 1994.

+ Cháu Nguyễn Bá Minh H1, sinh năm 2006.

Người giám hộ cho cháu H1: Ông Nguyễn Bá K, sinh năm 1959 và bà Thái Thị Thanh H, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số nhà B, khu A, xã L, huyện L, Đồng Nai.

+ Ông Thái Xuân B, sinh năm 1973.

+ Bà Trần Thị Hồng G, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số E, đường V, Khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bà V có mặt; Bà H, ông K, anh K1, ông B, bà G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thái Thị Hải V trình bày:***

Bà V và bà H là hai chị em ruột. Theo bản án phúc thẩm số 145/2019/DS-PT ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thì bà H có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà số tiền nợ 149.961.500đ. Sau khi bản án có hiệu lực, bà H không trả số nợ trên nên bà có đơn yêu cầu thi hành án.

Trong quá trình thi hành án, bà được biết bà Thái Thị Thanh H và ông Nguyễn Bá K có tài sản gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 129,7m² thuộc thửa số 239, tờ bản đồ số 26 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 198683 ngày 21/5/2014 do bà Thái Thị Thanh H và ông Nguyễn Bá K đứng tên.

Bà H là người phải thi hành án nhưng tài sản đứng tên vợ chồng bà H nên bà làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Long Thành: Xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là bà Thái Thị Thanh H trong khối tài sản chung của bà H và ông K đối với quyền sử dụng đất diện tích 129,7m² thuộc thửa số 239, tờ bản đồ số 26 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai để làm cơ sở cho cơ quan thi hành án tiến hành theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Thái Thị Thanh H cố tình vắng mặt nên không có lời khai. Tuy nhiên, trước khi Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý vụ án này, ngày 27/5/2020 Tòa án đã lý vụ án số 154/2020/TLST-DS với nội dung tương tự, đến ngày 10/10/2022 Tòa án nhân dân huyện Long Thành đình chỉ vụ án số 163/2022/QĐST – DS do bà H xin rút đơn khởi kiện. Trong vụ án thụ lý số 154/2020/TLST-DS, bà Thái Thị Thanh H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Bá K là vợ chồng hợp pháp, kết hôn với nhau năm 1993. Trước khi kết hôn vài tháng, ông K có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 129,7m² thuộc thửa số 239, tờ bản đồ số 26 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai từ người khác bằng giấy tay. Đến năm 2014, ông K làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cơ quan cấp giấy hướng dẫn đưa bà vào thủ tục xin cấp giấy nên ông K đồng ý làm thủ tục đề 02 vợ chồng đứng tên và đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 198683 ngày 21/5/2014. Vợ chồng ông bà xây dựng nhà năm 1994 và sinh sống ổn định tới nay. Căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 4m x 12m, trần mái tôn, nền lát gạch men, tường xây tô, cửa chính và cửa sổ khung sắt lắp kính. Quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất không có công sức đóng góp của hai con chung là Nguyễn Mạnh K1 và Nguyễn Bá M. Nay, bà V yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, sử dụng của bà H trong khối tài sản chung để thi hành án thì bà không đồng ý. Bà xác định quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông K. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 198683 do UBND huyện L cấp ngày 21/5/2014 hiện đang được vợ chồng ông Thái Xuân B, bà Trần Thị Hồng G cất giữ.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Bá K, anh Nguyễn Mạnh K1, ông Thái Xuân B, bà Trần Thị Hồng G cố tình vắng mặt nên không có lời khai.

Tại vụ án dân sự thụ lý số 154/2020/TLST-DS ngày 27/5/2020, ông Nguyễn Bá K trình bày: Ông và bà Thái Thị Thanh H là vợ chồng hợp pháp, kết hôn với nhau năm 1993. Trước khi kết hôn vài tháng, ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 129,7m² thuộc thửa số 239, tờ bản đồ số 26 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai từ người khác bằng giấy tay. Do thời gian đã lâu nên không còn lưu giữ giấy tay để cung cấp cho Tòa án. Đến năm 2014, ông làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cơ quan cấp giấy hướng dẫn đưa bà V vào thủ tục xin cấp giấy nên ông đồng ý làm thủ tục để 02 vợ chồng đứng tên và đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 198683 ngày 21/5/2014. Vợ chồng ông bà xây dựng nhà năm 1994 và sinh sống ổn định tới nay. Căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 4m x 12m, trần mái tôn, nền lát gạch men, tường xây tô, cửa chính và cửa sổ khung sắt lắp kính. Quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất không có công sức đóng góp của hai con chung là Nguyễn Mạnh K1 và Nguyễn Bá M. Nay, bà V yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, sử dụng của bà H trong khối tài sản chung để thi hành án thì ông không đồng ý. Ông xác định quyền sử dụng đất là tài sản riêng của mình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 198683 do UBND huyện L cấp ngày 21/5/2014 hiện đang được vợ chồng ông Thái Xuân B, bà Trần Thị Hồng G cất giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nhận thấy tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 239, tờ bản đồ số 26 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai đều được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông K. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, xác định phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu của bà H trong khối tài sản chung với ông K là ½ (50%).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý vụ án và thẩm quyền giải quyết:

Đối tượng tranh chấp trong vụ án có liên quan đến bất động sản thuộc thửa 239 tờ bản đồ số 26 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nơi có bất động sản theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Quan hệ pháp luật:

Bà Thái Thị Hải V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành xác định phần quyền sở hữu, sử dụng của bà Thái Thị Thanh H trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Bá K đối với quyền sử dụng đất diện tích 129,7m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 239, tờ bản đồ số 26 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai để làm cơ sở cho cơ quan thi hành án tiến hành theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý đơn khởi kiện và xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” theo quy định tại khoản 12 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn bà Thái Thị Thanh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Bá K, anh Nguyễn Mạnh K1, ông Thái Xuân B, bà Trần Thị Hồng G đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Long Thành vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo bản án phúc thẩm số 145/2019/DS-PT ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thì bà Thái Thị Thanh H có nghĩa vụ phải trả nợ cho bà Thái Thị Hải V số tiền 149.961.500đ. Sau khi bản án có hiệu lực, bà H không trả số nợ nên bà V có đơn yêu cầu cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành thi hành bản án.

Trong quá trình thi hành án, cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành đã quyết định kê biên tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích 129,7m² thuộc thửa số 239, tờ bản đồ số 26 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 198683 ngày 21/5/2014 do bà Thái Thị Thanh H và ông Nguyễn Bá K đứng tên. Ngày 19/12/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành phát văn bản số 521/TB-CCTHADS thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án. Theo đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành đề nghị bà Thái Thị Hải V, bà Thái Thị Thanh H, ông Nguyễn Bá K thỏa thuận phân chia tài sản chung, khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đối với quyền sử dụng đất, tài sản trên đất thuộc thửa 239, tờ bản đồ số 26 xã L. Đến ngày 12/3/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành phát văn bản số 67/TB-CCTHADS đề nghị bà Thái Thị Thanh H, bà Thái Thị Hải V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là bà Thái Thị Thanh H trong khối tài sản chung của bà H với ông Nguyễn Bá K. Vì vậy, ngày 26/3/2020, bà Thái Thị Hải V khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là bà Thái Thị Thanh H trong khối tài sản chung của bà H với ông Nguyễn Bá K đối với tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 239, tờ bản đồ số 26 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã thụ lý vụ án số 154/2020/TLST-DS ngày 27/5/2020, đến ngày 10/10/2022 Tòa án nhân dân huyện

Long Thành đình chỉ vụ án số 163/2022/QĐST – DS do bà V xin rút đơn khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản... Qua việc thu thập chứng cứ thể hiện:

- Nguồn gốc đất: diện tích đất 129m² thuộc thửa số 1823, tờ bản đồ số 08 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 019533 ngày 09/01/2008 mang tên Cao Thị Đ. Đến ngày 28/4/2008, bà Cao Thị Đ ký hợp đồng tặng cho con rể ông Nguyễn Bá K, bà Thái Thị Thanh H, được UBND xã L chứng thực, vào sổ số 114 Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD. Ngày 25/8/2008, vợ chồng ông K, bà H được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – C cập nhật trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2013, bà Thái Thị Thanh H, ông Nguyễn Bá K nộp hồ sơ xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo thông tin thửa đất theo bản đồ địa chính mới thì diện tích đất là 129,7m² thuộc thửa 239, tờ bản đồ số 26 xã L (tăng 0,7m² so với tờ bản đồ cũ).

Như vậy, theo hồ sơ thu thập được tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – CN L thì diện tích đất là 129,7m² thuộc thửa 239, tờ bản đồ số 26 xã L do bà Cao Thị Đào t cho vợ chồng ông Nguyễn Bá K, bà Thái Thị Thanh H. Ông K, bà H cho rằng mua bằng giấy tay của người khác từ năm 1993, đến năm 2014 mới làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng. Đây là tài sản được bà Đào t cho vợ chồng ông K, bà H trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quyền sử dụng đất diện tích 129,7m² thuộc thửa 239, tờ bản đồ số 26 xã L là tài sản chung của ông Nguyễn Bá K và bà Thái Thị Thanh H.

- Về tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất: Để có căn cứ giải quyết vụ án thụ lý số 154/2020/TLST-DS ngày 27/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, hợp đồng với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – CN Long Thành đo vẽ nhà, đất tranh chấp. Thửa đất 239, tờ bản đồ 26 xã L có tứ cận phía Đông giáp thửa 241; phía Tây giáp thửa 237; phía Nam giáp thửa 240, 238; phía Bắc giáp đường nhựa. Tài sản gắn liền với đất gồm:

+ Căn nhà ở gia đình diện tích 78,6m² có kết cấu: móng gạch, cột gạch; tường xây gạch dày 100, sơn nước; nền lát gạch ceramic; mái lợp tôn, xà gồ sắt hộp, trần tôn lạnh; cửa đi + cửa sổ làm bằng khung sắt kính + cửa gỗ.

+ Khu vệ sinh: móng gạch, cột gạch; tường xây gạch dày 100, sơn nước; nền lát gạch ceramic; bàn cầu beton.

+ Cổng trước: Trụ xây gạch dày 400, cao 2,4m; cổng khung sắt hộp, cao 2,3m.

+ Tường rào: móng cột gạch, tường xây gạch dày 100, cao 0,9m, sơn nước, bên trên hàn khung sắt hộp cao 1,3m.

+ Tháp nước: kích thước 1,85m x 0,95m x cao 4m. Khung thép V1; bồn I năm 1000I hiệu Đ.

Để có căn cứ giải quyết vụ án này, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/6/2023 thì hiện trạng nhà, đất không có gì thay đổi, không thấy coi nói, xây dựng gì thêm.

Qua xác minh tại UBND xã L thì được biết: từ năm 2020 đến nay, UBND xã L không nhận được yêu cầu, đề nghị xin sửa, xây dựng công trình gì mới trên thửa đất 239, tờ bản đồ số 26 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Hiện trạng tài sản trên đất từ năm 2020 đến nay vẫn giữ nguyên, không có gì thay đổi.

Theo ông K, bà H thì đây là những tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên đều được xác định là tài sản chung của vợ chồng.

Nhà, đất và công trình xây dựng trên thửa đất số 239, tờ bản đồ số 26 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai là tài sản chung của vợ chồng. Do bà H còn nợ tiền của bà V nên bà V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành xác định phân quyền sử dụng, quyền sở hữu của bà H trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Bá K để thi hành án là có căn cứ nên chấp nhận.

Ông K, bà H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh công sức trong việc tạo lập tài sản chung nên mỗi người có ½ quyền sử dụng đất và ½ quyền sở hữu tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thửa đất 239, tờ bản đồ số 26 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về chi phí tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – CN L. Lệ phí thu thập hết 138.000đ.

Tại phiên tòa, bà V tự nguyện chịu tất cả các khoản chi phí tiến hành tố tụng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí DSST: Bị đơn bà H phải nộp 300.000đ đối với án phí không có giá ngạch.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 12 Điều 26; điểm c, khoản 1 Điều 39; Điều 203, 220, 227, 228, 235, 264, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 213; khoản 2 Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 74 Luật thi hành án dân sự.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Hải V về việc tranh chấp xác định phân quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự đối với bị đơn bà Thái Thị Thanh H.

1.1. Xác định phân quyền sử dụng đất của bị đơn bà Thái Thị Thanh H để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Bá K là $\frac{1}{2}$ (50%) giá trị quyền sử dụng đất diện tích 129,7m² thuộc thửa 239, tờ bản đồ số 26 xã L đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 198683 ngày 21/5/2014 mang tên bà Thái Thị Thanh H và ông Nguyễn Bá K.

1.2. Xác định phân quyền sở hữu tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa 239, tờ bản đồ số 26 xã L của bị đơn bà Thái Thị Thanh H để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Bá K là $\frac{1}{2}$ (50%) giá trị tài sản trên đất gồm có:

+ Căn nhà ở gia đình diện tích 78,6m² có kết cấu: móng gạch, cột gạch; tường xây gạch dày 100, sơn nước; nền lát gạch ceramic; mái lợp tôn, xà gồ sắt hộp, trần tôn lạnh; cửa đi + cửa sổ làm bằng khung sắt kính + cửa gỗ.

+ Khu vệ sinh: móng gạch, cột gạch; tường xây gạch dày 100, sơn nước; nền lát gạch ceramic; bồn cầu bột.

+ Cổng trước: Trụ xây gạch dày 400, cao 2,4m; cổng khung sắt hộp, cao 2,3m.

+ Tường rào: móng cột gạch, tường xây gạch dày 100, cao 0,9m, sơn nước, bên trên hàn khung sắt hộp cao 1,3m.

+ Tháp nước: kích thước 1,85m x 0,95m x cao 4m. Khung thép V1; bồn I năm 1000l hiệu Đ.

2. Về chi phí tố tụng: Bà V tự nguyện nộp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí DSST: Bà H phải nộp 300.000đ án phí DSST không có giá ngạch. Hoàn trả cho bà V 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006511 ngày 15/11/2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

4. Bà V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H, ông K, anh K1, ông B, bà G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Long Thành;
- VKS H. Long Thành;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đình Trung

